

ở tòa nhà, họ đã thành ma...khi vượt biên...

- Đúng là mình bị...ma nhát đêm qua rồi...nhưng họ là những ai, đến giờ mình có thể đoán chắc là cả gia đình ở tòa nhà, họ đã thành ma...khi vượt biên...

Xuyến gật đầu, quay nhìn cái bảng mà sự hiện diện của nó ở đây đã là một sự kỳ quái, nói:

- Mũi tên của cuộc vượt biên không dừng tới đất liền...chứng tỏ sự phỏng đoán của Hải đúng. Những chữ X đỏ có lẽ là những nơi họ bị cướp biển và lần cuối cùng không cách bờ biển Thái Lan bao xa. Còn hai cái xác...phụ nữ?

Hải giọng trầm xuống:

- Bị cướp biển hãm hiếp!

Rồi Hải kéo bạn đi, nói:

- Thôi, để nguyên vậy cho bà Hiệu xem...không lại bảo hai đứa bịa chuyện để khỏi gác đêm.

Xuyến thở ra:

- Bây giờ tui cũng chẳng ham...dậy ở cái nhà này nữa. Đổi đi cũng không sao.

Hải gật đầu, nắm tay bạn lắc mạnh:

- Đồng ý. Cái bọn vô thần chưa chắc đã chịu nhìn nhận những hiện tượng siêu hình...Bồ đi, tui cũng chẳng thiết ở đây nữa.

Hai người nắm tay, cùng theo cầu thang xuống nhà dưới.

Tha Mạng

Sau hai mươi mấy năm, chúng tôi gặp lại nhau tại San Jose. Tôi thực không ngờ chuyện đó có thể có được, vì trong thời gian trong trại cải tạo, đã có lần gia đình anh cho tôi biết...có lẽ anh sẽ phải bỏ mạng vì bệnh kiết lỵ mà không có thuốc chữa.

Trong câu chuyện hàn huyên giữa chúng tôi, có lần tôi đã nói về sự phỏng đoán của gia đình anh, Văn cười, gật đầu:

- Đúng là như thế, nhưng “moa” đã được tha mạng...lần thứ hai...tại nơi đó.

Tôi thực không hiểu ý tứ của câu nói.

Văn rít một hơi thuốc, rồi nói:

- Ông không hiểu được chuyện đó đâu. Số là...

...Câu chuyện đã xảy ra gần sáu mươi năm về trước, mà không ngờ cái đuôi của nó...còn lại tới ngày nay.

Năm ấy...là năm 193., ông già vừa lấy vợ, liền được lên chức trưởng ga, nhưng đổi lên Lao Kay...coi một cái ga xếp gần biên giới Việt-Hoa. Tuy là nơi biên giới, nhưng mẹ tôi lại được sống gần gia đình vì ông cụ ngoại là một y sĩ, người Trung Hoa làm việc tại bệnh viện thuộc tỉnh Vân Nam.

Ở đây, chính quyền tỉnh có một căn nhà hai tầng lầu để không lâu ngày, khi ông bà già đổi về đó, họ cho để ở. Hàng ngày cậu tôi cưỡi ngựa băng qua một thung lũng có rừng thưa để đi làm. Trên con đường này, có một gốc đa cổ thụ che khuất một cái miếu, người ta nói là thờ thổ thần. Sở dĩ ông cụ để ý tới nó vì lần đầu tiên qua đây, con ngựa của cụ vấp phải rễ đa, hất cậu tôi té xuống đất một cái đau như trời giáng.

Chưa được một năm, ông anh cả tôi ra đời giữa vùng hoang sơ của miền biên giới. Trong thị xã Lào Kay, thời đó chưa có bác sĩ, mà chỉ có các ông "medecin" học trường thuốc ba năm được cử đi coi bệnh viện các tỉnh. Một vùng heo hút như đây, có được một ông medecin như thế cũng quý lắm rồi và ai cũng kêu ông này là bác sĩ. Muốn có một bác sĩ đủ bằng cấp, phải về mãi Hà Nội hay Hải Phòng.

Lúc đó là mùa hạ...

Mợ tôi ru con ngủ trên chiếc võng gai mắc ở một gian nhà trên lầu, ban đêm, cửa vẫn mở cho thoáng.

Một buổi sáng, bà cụ thấy con hâm hấp nóng, vội thuê cáng ra bệnh viện thị xã. Sau khi khám bệnh, bác sĩ nói con cụ chắc bị muỗi rừng đốt...nên làm sốt. Ông cho ba viên "đa-dên-năng" là loại thuốc chữa "bách bệnh" của thời đó, dặn mỗi lần chỉ uống nửa viên mài lẫn với nước, ba lần một ngày.

Buổi tối hôm sau, chưa cho con uống hết hai viên thuốc, bà cụ vẫn nằm võng ru con, tay quạt, chân đưa. Bên dưới võng, cụ để chiếc đèn hoa kỳ cho sáng nhà. Do đó, bóng võng và hai mẹ con in trên vách nhà. Nhìn bóng, mợ tôi có thể biết võng còn đưa hay đã ngừng lại.

Buổi chiều, mợ tôi thấy con bỏ bú, tiếng khóc ngắt quãng nghe như tiếng gà kêu. Vì đã muộn, không dám đi cáng ra ngoài thị xã, nên bà cố gắng ru con ngủ để đợi tới hôm sau.

Mẹ con chợp chờn trong giấc ngủ. Bỗng bà cụ giật mình choàng tỉnh, khi nghe như có người vừa mở cửa sổ. Mợ tôi nhìn ra, một cánh cửa được mở ra thực, nhưng không có ai. Đến khi nhìn lên vách tường đối diện, thấy xuất hiện bóng một người đàn ông to lớn, đầu đội mũ có chòm như mũ của những ông trang chủ Trung Hoa, vừa đi ngang qua võng, nhưng trên tay lại bồng một vật giống như đứa trẻ. Bóng ông Tàu này chạy dọc theo căn phòng và mất hút ở cuối chân võng.

Thấy bóng trên tường mà lại không có người...thì chỉ là ma thôi. Bà cụ nghĩ đến đó, sợ quá rú lên, kêu cứu. Lúc đó, cậu tôi đang ngủ phòng dưới nhà, thấy tiếng mợ tôi, vội tung màn, phóng lên lầu... Khi ngọn đèn được vịn lớn lên, cả hai đều kinh hãi

Thấy bóng trên tường mà lại không có người...thì chỉ là ma thôi. Bà cụ nghĩ đến đó, sợ quá rú lên, kêu cứu. Lúc đó, cậu tôi đang ngủ phòng dưới nhà, thấy tiếng mơ tôi, vội tung màn, phóng lên lầu... Khi ngọn đèn được vặn lớn lên, cả hai đều kinh hãi vì con. Lúc đó, cậu tôi đang ngủ phòng dưới nhà, thấy tiếng mơ tôi, vội tung màn, phóng lên lầu... Khi ngọn đèn được vặn lớn lên, cả hai đều kinh hãi vì con trai các cụ đã chết cứng rồi.

Giữa chốn khỉ ho cò gáy, lại bị mất đứa con trai đầu lòng, cậu mơ tôi vô cùng đau đớn. Một đêm hai người đều thấy quái gở...là trước khi bóng người Tàu hiện ra trên vách nhà, con cụ còn khóc...như tiếng gà kêu, đến khi cái bóng kia đi ngang qua, tay như ôm đứa nhỏ...và lúc soi đèn lên, thời gian không đầy vài phút...mà xác cứng lạnh như đã chết từ lâu.

Đám ma lèo tèo chỉ có ba, bốn người đều là nhân viên trong nhà ga. Sau ba ngày nghỉ ở nhà lo việc ma chay, ông cụ bắt đầu đi làm lại. Một mình bà cụ ở nhà, căn nhà trở nên quá rộng rãi đến độ mơ tôi phát sợ. Tiếng gió thổi kéo kẹt qua cụm tre ngoài sân, tiếng cửa sổ đập nhẹ cũng làm tim cụ nhảy loạn lên như trống trận. Nằm trên võng, hễ cứ thiu thiu ngủ thì lại mơ thấy cái cảnh con bị bóng ma trên tường bắt đi mấy hôm trước.

Buổi chiều, cậu tôi về kể chuyện khi đi qua cái miếu dưới gốc đa, con ngựa cứ hí lên không dám qua...mơ tôi muốn thỉnh sư về...câu kinh siêu độ, nhưng ông già là dân Tây học, không chịu chuyện cúng kiến nhảm nhí.

Chuyện rồi cũng qua đi.

Ba tháng sau, mơ tôi có thai lần thứ hai. Kỳ này bà cẩn thận sang tỉnh Vân Nam cho ông ngoại tôi khám thai và cho thuốc bổ về uống. Ông ngoại tôi an ủi cậu mơ tôi là cái thai rất khỏe, ăn uống điều độ, nằm màn chiếu cẩn thận, soi đèn bắt muỗi mỗi đêm.

Mơ tôi có mượn một tớ gái người địa phương làm việc nhà. Một buổi trưa, hai chủ tớ đang ngồi nhặt rau trong nhà bếp, con nhỏ bỗng đứng lên, nói:

- Thưa mơ, hình như có ai gõ cửa.

Bà cụ giật mình, không biết khách khứa nào, vì giữa nơi đây, các cụ đâu có giao thiệp với ai ngoài thị xã đâu mà có khách đến viếng.

- Mi ra thử xem ai.

Đứa tớ gái ra mở cửa, đứng ngoài nói vọng vào:

- Thưa bà chủ có khách.

Mơ tôi ngạc nhiên, lật đặt bỏ rổ rau, rửa vội tay, ra ngoài nhà khách.

Trước mặt bà là một người đàn ông Tàu, mặc áo đoạn xanh, cài một hàng cúc dọc theo chiều dài của áo từ trên xuống dưới, đầu đội mũ vải tròn, chòm có nùm. Bà biết ông ta là người thế gia.

Thấy khách lạ sang cả, bà sai đứa ở nấu nước pha trà, rồi trình trọng mời khách vào bộ trường kỷ gỗ kê giữa nhà.

Sau khi phân ngôi chủ khách, bà chưa kịp hỏi han, ông Tàu đã lên tiếng trước bằng tiếng Quảng:

- Tôi biết bà người Hoa nên hôm nay mới tới đây.

Mơ tôi lấy làm lạ, nhưng cũng nhũn nhặn, đáp bằng tiếng Quảng:

- Không dám, cụ tới, chắc có chuyện gì dậy bảo.

Ông ta đổi giọng cứng rắn:

- Bà có biết đã...chiếm ngụ nhà của tôi không?

Mợ tôi ngăn người ra, hỏi lại:

- Cụ nói căn nhà này?

- Phải. Căn nhà này là nhà của tôi.

Mợ tôi hơi bất bình:

- Chúng tôi không phải tới chiếm ngụ...mà là nhà chính phủ cho chúng tôi là nhân viên nhà nước tới ở.

Nay cụ nói thế, chúng tôi làm sao mà tin được.

Ông Tàu cũng mặt giận:

- Hai người đã mất một đứa con...lại không sợ ta bắt thêm đứa thứ hai này nữa sao?

Vụ có thai lần này mới chỉ hai vợ chồng biết. Nay nghe ông ta nói, bà cụ đâm hoảng, nên hỏi lại:

- Chúng tôi có làm gì méch lòng cụ đâu...mà cụ nữ làm điều thất đức đó? Nhất là chúng tôi chưa từng biết cụ là ai...

Ông ta trừng mắt:

- Không biết? Tại vì các người kiêu ngạo đó thôi. Ta là người phủ Khai Diển, tỉnh Vân Nam, ai ở vùng này mà chẳng hay. Chồng người, ta đã cảnh cáo mấy lần nhưng không thêm biết ta là ai nên ráng chịu thiệt.

Mợ tôi rất bối rối...vì cậu tôi chưa hề nói gặp cái ông Tàu này lần nào cả, nên gắng gượng cãi:

- Cụ bắt lỗi oan chúng tôi...bây giờ...cụ nói nhà của cụ đòi lại chúng tôi biết ở đâu bây giờ?

Ông ta gần giọng:

- Mấy người thực lòng muốn trả...thì tự khắc có người lo liệu cho có chỗ ở...

- Vậy...khi dọn đi...đến đâu để báo cho cụ?

Ông ta lắc đầu:

- Không cần thiết. Các người đáp ứng lời ta...thì đưa con tới...sẽ phụng dưỡng các người đến mãn phần...còn không...Ha ha ha!

Ông ta vừa nói, vừa cười ngạo nghễ đi ra khỏi nhà trước đôi mắt trợn trừng của mợ tôi.

Người hay ma quỷ đây?

Nào ai biết!

Mợ tôi không dám theo sau, nhưng sai đứa tớ gái ra ngoài xem ông ta đi về hướng nào. Nó đi một chập về nói không thấy ông cụ già người Tàu đâu cả...

Chiều, cậu tôi về, mợ tôi thuật lại chuyện ông Tàu đến đòi nhà và nhất là nói cậu tôi đã bị cảnh cáo rồi...mà không chịu biết đến ông ta.

Cậu tôi ngăn người ra vì ngạc nhiên.

Ngày hôm sau, ông đi hỏi người dân địa phương xem cái ông Tàu...người phủ Khai Diển là ai. Cuối cùng có mấy người già nói người Tàu được thờ trong miếu thổ thần là người Vân Nam, phủ Khai Diển. Tối lúc đó, cậu tôi mới nhớ lại một lần bị ngựa hất té trước miếu...cũng như mỗi khi đi ngang qua đó nó đều hí lên như sợ hãi điều gì.

Cuối cùng, vì chuyện...lạ lòng ông thổ thần hiện ra đòi nhà, cậu mợ tôi nhờ ông ngoại chạy chọt được về làm ở nơi khác gần nhà ông cụ, nên về ở luôn bên đó, trả nhà cho chính phủ.

Tôi được sinh ra tại Bệnh viện ông ngoại tôi làm việc và ở lại đó tới năm năm, sáu tuổi. Khi cậu tôi được đổi về làm trưởng ga Xuân Đài thì gia đình tôi đã có thêm một chú em trai và một cô em gái nữa. Hơn hai mươi năm sau, khi gia đình chúng tôi di cư vào Nam, ở ngõ hẻm Cao Thắng thì anh em chúng tôi

đã khôn lớn. Nhưng cuộc chiến mỗi ngày một mở rộng. Thanh niên đều phải nhập ngũ. Anh em chúng tôi mỗi người theo một ngành. Nhưng tai họa đã tới...khi em trai tôi lên Đại Úy thì tử trận. Những năm tháng kế tiếp, cậu vợ tôi ngày đêm lo cho số phận tôi, nhất là tôi lại dự những trận lớn như Đồng Xoài Bình Giả, An Lộc Bình Long, nhưng cho tới cuối cuộc chiến, tôi vẫn giữ được mạng sống đến ngày quân Bắc Việt vào cưỡng chiếm miền Nam, để anh em chúng mình đồng số phận bị nhà cầm quyền Cộng sản bắt đi cải tạo. Anh cũng đã biết, số tôi thảm hơn các bạn chút ít, vì sau đó lại bị đưa ra ngoài Bắc do mình thuộc ngành tâm lý chiến, thêm một thời làm việc tại nhà tù Phú Quốc. Trại sau cùng tôi ở là trại Phong Quang, tỉnh Lao Kay. Trại này nằm trong một thung lũng khí hậu khắc nghiệt sát biên giới Việt-Hoa, cách đường hỏa xa Hữu Nghị không xa vì đêm đêm chúng tôi vẫn nghe thấy tiếng tàu chạy trên đường sắt. Tôi ở đây được dăm tháng thì bệnh đường ruột của tôi tái phát, không thuốc men dễ biến thành bệnh kiết lỵ. Nhuốm bệnh chừng ba bốn tháng, tôi trở nên kiệt sức, không bò dậy đi làm công tác với các bạn tù. Gia đình ra thăm, thấy hình tượng thiếu não, ai cũng khóc...không nói ra nhưng đều nghĩ là tôi khó qua khỏi lưỡi hái của tử thần. Những ngày tháng sau đó, người tôi chỉ còn da bọc xương, mắt lờ đáo. Người ta quyết định cho tôi về nhà...để chết. Khi được tin, tôi vô cùng buồn bã vì biết mình khó sống nổi để về cái thân tàn về tới gia đình ở Sài Gòn.

Buổi sáng tôi được thả, hai bạn tù cùng tôi trên chiếc cáng làm bằng cái chần len của tôi. Nhưng đi

được nửa đường trời đổ mưa, chúng tôi phải vào trú tại một cái am dưới gốc đa cổ thụ. Lúc đó, trong cái am này đã có hai người làm rẫy cũng đang đợi mưa. Thấy có công an đi theo, hai người biết chúng tôi là tù cải tạo nên lúc đầu giữ ý không dám tỏ thái độ thân thiện.

Trời mưa hàng giờ không dứt, tôi sốt ruột nhìn vợ vẫn lên bức tượng trên cái bệ phủ bụi, bất chợt như có linh tính chi đó, tôi buột miệng hỏi:

- Đây là đâu vậy bác?

Một người nông dân liếc xéo tên công an, rồi khẽ nói:

- Miếu thổ thần...

Tôi buột miệng:

- Ông Tàu...người huyện Khai Viễn?

Một trong hai người làm rẫy, ngạc nhiên:

- Phải, sao anh biết?

Tôi lặng người nhớ lại chuyện xưa đã được vợ tôi kể đi kể lại mấy lần nên trả lời một cách mơ hồ:

- Tôi...cũng không biết nữa.

Tôi nói thế, nhưng trong bụng nhúm lên một hy vọng khi nhớ lại lời hứa năm xưa. Em trai tôi đã chết, Ba vợ tôi hiện vẫn còn khỏe...thì tôi chưa thể chết được vì tôi sẽ còn thời gian phải phụng dưỡng các cụ.

Từ lúc đó, lòng tôi bỗng tràn đầy hy vọng. Tôi khẩn ông Tàu thổ địa và không quên nhắc tới lời hứa năm xưa. Không ngờ chuyện ấy là sự thật.

Chiều hôm đó, vì trú mưa nên tôi nhờ chuyển xe ca về miền xuôi, họ mới quyết định cho tôi đáp xe lửa về Hà Nội... Thực một chuyện trùng hợp không

thể ngờ mà có thật...tôi lên xe lửa tại đúng...cái ga xếp mà cậu tôi làm xếp ga ngày xưa.

Với sự phấn đấu quyết liệt với tử thần trên chuyến xe về xuôi trong hơn ba ngày, khi rời sân ga...tôi bỗng trở nên một người mới...khỏe như người không bệnh, có thể tự gọi xe để về nhà trọ.

Và tôi thoát chết...cho tới ngày nay...”

Nhìn anh bạn, tôi gật đầu:

- Hừ, chuyện khó tin...

Anh cười:

- Nhưng ...có thực!

Quỳnh Hương

Minh là một dương cầm thủ đã từng đoạt nhiều giải thưởng tại các thành phố danh tiếng như Moscova, Vienne, Rome, New York...từ những năm tháng còn rất trẻ.

Nhưng, tuổi đời càng cao, chàng càng không muốn xuất hiện nhiều trước đám đông. Vì thế, ngoài những dịp đặc biệt, Minh nhận chơi cho một số dàn nhạc quốc tế đã một thời đưa tên tuổi chàng lên đài danh vọng, còn không, chàng lui về sống ẩn dật tại nhà trong vùng Mortgan Hill, trên một ngọn đồi cách xa lộ bằng một con đường vòng có những hàng thông vì vu gió chiều như một khúc đường đèo về trang trại của cha mẹ chàng tại Đalat, thời chưa “mất nước”.

Minh vẫn còn độc thân. Theo lối nói của một ông nhạc sĩ nhà binh thời trước “vợ anh là cây súng carbine” thì “vợ Minh là chiếc đàn piano”!